TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TC
TỈNH QUẢNG NINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 02/2023/HS-ST
Ngày: 27 - 4 - 2023

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TC, TỈNH QUẢNG NINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: ông Lưu Minh Đoàn.

Các Hội thẩm nhân dân: ông Hà Quang Dũng và ông Nguyễn Cao Kỳ.

- Thư ký phiên tòa: bà Hoàng Thị Thảo Bình là Thư ký Tòa án nhân dân huyện TC, tỉnh Quảng Ninh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện TC, tỉnh Quảng Ninh *tham gia phiên toà:* ông Nguyễn Việt Hùng - Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 4 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện TC, tỉnh Quảng Ninh xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 01/2023/TLST-HS ngày 06 tháng 02 năm 2023, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 01/2023/QĐXXST-HS ngày 17 tháng 3 năm 2023; Quyết định hoãn phiên tòa số 02/2023/QĐST-HS ngày 31 tháng 3 năm 2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số 03/2023/QĐST-HS ngày 18 tháng 4 năm 2023 đối với bị cáo:

Họ và tên: **Phạm V Th**, sinh ngày 01/11/1984; tại huyện Đ, tỉnh Quảng Ninh; nơi thường trú: thôn Đ, xã X, huyện Đ, tỉnh Quảng Ninh; nơi tạm trú: thôn T, xã L, huyện TC, tỉnh Quảng Ninh; nghề nghiệp: nguyên công chức địa chính; trình độ văn hoá: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Phạm V T và bà Nguyễn T L; có vợ là Trần T T và có 02 con, con lớn sinh năm 2012, con nhỏ sinh năm 2017; tiền án, tiền sự: chưa có; bị bắt tạm giữ ngày 04/11/2022, hiện đang tạm giam tại Nhà tạm giữ Công an huyện TC, tỉnh Quảng Ninh, có mặt.

- ***Bị hại:*** anh Nguyễn V T, sinh năm 1974; nơi thường trú: thôn T, xã L, huyện TC, tỉnh Quảng Ninh; vắng mặt (có đơn xin xét xử vắng mặt).

- ***Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*** chị Nguyễn T H, sinh năm 1976; nơi thường trú: thôn T, xã L, huyện TC, tỉnh Quảng Ninh; vắng mặt không lý do.

- Người tham gia tố tụng khác:

Những người làm chứng: anh Nguyễn V D - có mặt; các anh Phan H B, anh Lê A S, anh Trần V D - vắng mặt (có đơn xin xét xử vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Đầu tháng 4 năm 2021, Phạm V Th là công chức phụ trách địa chính Ủy ban nhân dân xã L, huyện TC thấy anh Nguyễn V T đến trụ sở Ủy ban nhân dân (UBND) xã L hỏi việc cấp đổi Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Th đã kiểm tra dữ liệu về đất đai trên Bản đồ địa chính thấy diện tích đất thể hiện trên bản đồ địa chính là 360m^2 bị thiếu so với diện tích đất thể hiện trên Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số đăng ký 111/QSDĐ/2015 ngày 30/9/2005 mang tên Phạm V L đã đăng ký biến động sang tên vợ chồng anh Nguyễn V T và chị Nguyễn T H là 387,5m^2 (chênh lệch giảm 27,5m^2) nên nảy sinh ý định lừa dối anh T để chiếm đoạt tiền. Th nói với anh T thửa đất bị sai lệch thông tin, nếu muốn sửa và cấp đổi Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất giữ nguyên diện tích ban đầu là 387,5m^2 thì anh T phải bỏ ra 34.000.000 đồng chi phí các khoản: 4.000.000 đồng để thuê đo đạc lại thửa đất và 30.000.000 đồng nộp Trung tâm hành chính công huyện. Anh T tin Th nói thật nên đã đồng ý.

Khoảng 12 giờ 00 phút ngày 20/4/2021, Th gọi điện thoại cho anh T, bảo anh T chuẩn bị 34.000.000 đồng cho vào 01 phong bì dán kín, bên ngoài ghi nội dung "Th gửi D" và cầm ra bến đò L đưa cho anh Nguyễn V D là người lái đò, để anh D chuyển cho anh D và anh S là cán bộ Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất huyện TC. Anh T tin tưởng đã cầm phong bì tiền 34.000.000 đồng chuyển cho anh D theo chỉ dẫn của Th. Khoảng 13 giờ cùng ngày, Th đến gặp anh D lấy phong bì tiền 34.000.000 đồng do anh T gửi và đã sử dụng, tiêu xài cá nhân hết.

Sau thời gian chờ đợi nhưng không thấy thông tin về cấp đổi Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất như Th cam kết, anh T tìm hiểu được biết chi phí cấp đổi Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất không phải số tiền 34.000.000 đồng như Th nói, anh T đã gọi điện cho Th và ghi âm nội dung trao đổi giữa Th và anh T. Ngày 20/10/2022, anh T đã làm đơn trình báo cho quan điều tra. Sau đó, Th đã đến Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện TC đầu thú và tự nguyện giao nộp cho Cơ quan điều tra số tiền 34.000.000 đồng.

Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo Phạm V Th có lời khai phù hợp với nội dung vụ án, thể hiện: Khoảng tháng 4 năm 2021, anh T đến gặp bị cáo tại trụ sở Ủy ban nhân dân xã L, huyện TC để hỏi về việc gia đình anh T đã được cấp đổi mới Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất chưa. Sau khi kiểm tra bản đồ địa chính xã L bị cáo được biết gia đình anh T đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, diện tích được cấp mới bị giảm so với diện tích trước kia (sổ đất cũ diện tích đất là 387,5m^2, hiện trạng trên bản đồ địa chính là 360m^2). Lúc đó do bị cáo đang thiếu một số tiền để giải quyết công việc riêng nên bị cáo đã nảy sinh ý định lợi dụng vào chức vụ hiện tại của bị cáo là công chức địa chính để đưa ra thông tin sai sự thật để anh T tin tưởng, giao tiền cho bị cáo bằng phương thức: Bị cáo nói với anh T, nếu muốn cấp đổi Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mà giữ nguyên diện tích như ban đầu thì phải bỏ ra số tiền 34.000.000 đồng để chi phí cho các khoản gồm 4.000.000 đồng tiền thuê đo đạc diện tích, 30.000.000 đồng nộp vào Trung tâm hành chính công huyện TC, nhưng thực tế theo quy định của Nhà nước thì anh T cấp đổi Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất không phải chi phí số tiền 34.000.000 đồng. Sau khi bị cáo đặt vấn đề anh Tuấn đã tin tưởng, đồng ý sẽ đưa cho bị cáo số tiền trên. Khoảng 20 ngày sau, vào buổi trưa bị cáo đang ở thị trấn T dùng điện thoại di động 0901563121 gọi cho anh Tuấn số điện thoại 0389786558 và bảo anh T chuẩn bị 34.000.000 đồng để trong phong bì, phía ngoài ghi chữ "Th gửi D" rồi cầm số tiền này ra bến đò Cảng L đưa cho anh Nguyễn V D để anh D chuyển tiền cho anh D,

anh S. Khoảng 20 phút sau anh T gọi điện thoại lại cho bị cáo thông tin đã chuyển tiền cho anh D. Khoảng 13 giờ cùng ngày, bị cáo một mình đến đò khách đang neo đậu tại bến đò TC thuộc khu C, thị trấn T gặp anh D và nhận từ anh D phong bì do anh T gửi theo hướng dẫn của bị cáo, sau đó bị cáo bóc phong bì kiểm tra thấy đủ 34.000.000 đồng. Sau khi nhận số tiền trên, anh T nhiều lần gọi điện thoại cho bị cáo hỏi về việc đã làm thủ tục cấp đổi Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho gia đình anh T chưa, nhưng bị cáo đều lấy lý do phải chờ cán bộ Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất sang thẩm định đo đạc lại mới cấp đổi được Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho gia đình anh T.

Bị cáo còn khai nhận việc chiếm đoạt số tiền của anh T bị cáo thực hiện một mình và sử dụng vào việc chi tiêu cá nhân. Khi biết tin anh T đến cơ quan chức năng tố cáo hành vi vi phạm pháp luật của bị cáo, bị cáo đã đến nhà anh T xin lỗi, trả lại số tiền 34.000.000 đồng nhưng anh T không nhận, bị cáo đã đến công an đầu thú và giao nộp số tiền trên để bồi thường cho anh T. Bị cáo thừa nhận hành vi của bị cáo là vi phạm pháp luật, đề nghị HĐXX xem xét giảm nhẹ hình phạt.

Bị hại anh Nguyễn V T có đơn xin vắng mặt tại phiên tòa, trong quá trình điều tra có lời khai: Đầu tháng 4/2021, tôi biết một số hộ dân trên địa bàn xã L được cấp đổi mới Giấy chứng nhận nên đã đến gặp Th là cán bộ địa chính hỏi cấp đổi mới giấy chứng nhận cho gia đình chưa, Th đã kiểm tra trên hệ thống máy tính và thông tin cho tôi biết diện tích trích đo của UBND huyện nhỏ hơn so với diện tích trong giấy chứng nhận đã được cấp trước đó. Th nói với tôi muốn được cấp diện tích như ban đầu thì phải chi phí tổng số tiền 34.000.000 đồng, tôi đồng ý với anh Th về việc chi phí trên để được cấp đổi Giấy chứng nhận. Khoảng 12 giờ ngày 20/4/2021, tôi đang ở nhà thì Th gọi điện bảo tôi đóng phong bì 34.000.000 đồng ghi Th gửi D rồi gửi xuống đò cho Th, để tý D, S sẽ lấy. Tôi hiểu ý Th là chuyển 34.000.000 đồng cho anh D, anh S để chi phí việc cấp đổi Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Sau đó vợ tôi là Nguyễn T H đưa cho tôi một phong bì, bên trong có tiền mệnh giá 500.000 đồng, tôi cầm phong bì, dán kín mép phong bì và lấy bút bi, mực màu xanh ghi chữ "Th gửi D" phía ngoài phong bì và để phong bì lên bàn uống nước rồi lấy điện thoại chụp lại. Ngay sau đó tôi đến đò khách theo hướng dẫn của Th, đưa phong bì tiền cho anh D và nói cho anh gửi phong bì, trong này có 34.000.000 đồng, "tí sếp S, sếp D về thì em chuyển cho hai sếp". Sau khi gửi số tiền trên hàng tháng tôi đều hỏi anh Th về việc đã làm xong giấy chưa, anh Th đều lấy lý do cán bộ huyện chưa bố trí được thời gian để sang L đo đạc, thẩm định lại đất cho gia đình tôi và hứa hẹn trong thời gian gần nhất sẽ làm xong. Tiếp đến khoảng ngày 26-27/01/2022 tôi đến Ủy ban gặp Th để hỏi việc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, anh Th hướng dẫn tôi phô tô công chứng một số giấy tờ để nộp cho Trung tâm hành chính công huyện. Từ đó đến ngày 03/9/2022 tôi không thấy cán bộ huyện đến nhà để đo đạc đất nên tôi bức xúc và gọi điện thoại cho Th, tôi nói đã nhận 34.000.000 đồng mà không làm xong cấp đổi thì tôi sẽ gửi đơn tố cáo đến cơ quan chức năng, toàn bộ cuộc trao đổi trên điện thoại đã được tôi ghi âm lại. Ngày 20/10/2022 tôi tìm hiểu biết trường hợp cấp đổi giấy và giữ nguyên diện tích đất ban đầu thì không phải chi phí tiền trên cho anh Th, nên tôi đã bức xúc và viết đơn trình báo gửi đến công an huyện TC và các cơ quan chức năng khác đề nghị xử lý đối với Thường theo quy định của pháp luật. Tôi nghĩ anh Th là cán bộ địa chính xã nên có chức năng tiếp nhận, giải quyết việc cấp đổi giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nếu không tôi sẽ

không chi phí, đưa tiền cho Th. Sau khi tôi gửi đơn tố giác đến cơ quan chức năng, anh Th đã gặp xin lỗi và mong muốn trả lại số tiền đã nhận của tôi. Nay tôi đề nghị được nhận lại số tiền 34.000.000 đồng Th đã chiếm đoạt và xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo Th; đối với chiếc USB giao nộp tại cơ quan công an, tôi không đề nghị được nhận lại.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan chị Nguyễn T H có lời khai thể hiện vào buổi trưa một ngày tháng 4 năm 2021 tôi đưa cho chồng tôi (anh T) 34.000.000 đồng để anh T đóng phong bì, đem xuống đò đưa anh S, anh D theo sự hướng dẫn của anh Th để chi phí cho việc cấp đổi lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Số tiền trên là tiền tiết kiệm của gia đình, nay tôi đề nghị trả lại số tiền trên cho anh T.

Người làm chứng anh Nguyễn V D có lời khai thể hiện vào khoảng 12 giờ 00 phút một ngày giữa tháng 4/2021, anh Tuấn đến đò khách đang neo đậu tại cảng L đưa cho tôi một phong bì loại phong bì thư, màu trắng, viền xanh có in hình máy bay, anh T nói với tôi trong phong bì có tiền, gửi cho anh D, anh S nhận phong bì của anh T. Khoảng 13 giờ cùng ngày, đò khách của tôi cập bến cảng TC thì có một người đàn ông xuống đò là lấy phong bì thư do anh T gửi, nhưng tôi không nhớ người nhận phong bì là ai.

Người làm chứng anh Lê A S, anh Trần V D khai chưa bao giờ nhận phong bì thư do anh T hay anh Th gửi.

Bản cáo trạng số 15/CT-VKSQN-P3 ngày 01/02/2023 của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Ninh truy tố bị cáo Phạm V Th về tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản", theo điểm đ khoản 2 Điều 174 của Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa, Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện TC thực hành quyền công tố, kiểm sát xét xử vụ án giữ nguyên quyết định truy tố như Cáo trạng số 15/CT-VKSQN-P3 ngày 01/02/2023 của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Ninh và đề nghị Hội đồng xét xử:

Áp dụng điểm đ khoản 2 Điều 174; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự:

- Xử phạt: Phạm V Th từ 02 (hai) năm đến 02 (hai) năm 06 (sáu) tháng tù, về tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản". Thời hạn tù tính từ ngày bị bắt 04/11/2022.

Đề nghị áp dụng hình phạt bổ sung là cấm bị cáo đảm nhiệm chức vụ liên quan đến lĩnh vực địa chính, xây dựng.

Về trách nhiệm dân sự: Trả lại số tiền 34.000.000 đồng cho anh Nguyễn V T.

Tiếp tục lưu giữ theo hồ sơ vụ án 01 chiếc USB nhãn hiệu Kingston, dung lượng 4GB.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra, Điều tra viên, Viện kiểm sát, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, không có người nào có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng và người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết

định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng và người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về hành vi phạm tội của bị cáo: tại phiên tòa, bị cáo đã khai nhận hành vi phạm tội của mình như nội dung Cáo trạng đã truy tố. Lời khai của bị cáo phù hợp với lời khai của bị cáo trong quá trình điều tra, phù hợp với lời khai của bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan, người làm chứng và các chứng cứ tài liệu khác được thu thập hợp pháp trong hồ sơ vụ án. Do đó có đủ cơ sở kết luận: Ngày 20/4/2021, bị cáo Phạm V Th là công chức phụ trách địa chính xã L, huyện TC đã có hành vi gian dối nhận làm thủ tục cấp đổi Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, làm cho anh Nguyễn V T tin tưởng giao tiền và bị cáo Th đã chiếm đoạt của anh T số tiền 34.000.000 đồng nhằm sử dụng cho mục đích cá nhân.

Do không có thẩm quyền trong việc cấp đổi Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, nhưng bị cáo dựa vào chức vụ, quyền hạn được giao có liên quan nhằm tạo lòng tin, sự ảnh hưởng đối với người khác để thực hiện tội phạm, nên hành vi chiếm đoạt tài sản của bị cáo Phạm V Th đã phạm vào tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản", thuộc trường hợp "Lợi dụng chức vụ, quyền hạn" là tình tiết định khung hình phạt được quy định tại điểm đ khoản 2 Điều 174 Bộ luật Hình sự.

Điều 174 Bộ luật Hình sự quy định:

"1. Người nào bằng thủ đoạn gian dối chiếm đoạt tài sản của người khác trị giá từ 2.000.000 đồng đến dưới 50.000.000 đồng hoặc dưới 2.000.000 đồng nhưng thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm";

...

2. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 02 năm đến 07 năm:

...

đ) Lợi dụng chức vụ, quyền hạn.

[3] Hành vi chiếm đoạt tài sản của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản hợp pháp của công dân được pháp luật bảo vệ, tác động xấu đến tình hình trật tự trị an xã hội, không những gây bất bình trong quần chúng nhân dân mà còn làm ảnh hưởng đến hoạt động đúng đắn của cơ quan Nhà nước trong thực thi công vụ, ảnh hưởng đến uy tín của người cán bộ. Bị cáo là người trưởng thành, có trình độ học vấn, nhận thức được hành vi của mình, nhưng do ý thức chấp hành pháp luật kém, chỉ vì mục đích có tiền cho sinh hoạt cá nhân, bị cáo đã lợi dụng chức vụ, tạo sự tin tưởng nhằm chiếm đoạt tài sản của công dân. Do vậy, cần buộc bị cáo phải chịu trách nhiệm hình sự tương xứng với tính chất, mức độ do hành vi phạm tội của mình gây ra. Hội đồng xét xử thấy cần phải cách ly bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian nhất định để giáo dục, cải tạo bị cáo và đấu tranh phòng ngừa chung.

[4] Về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

- Về tình tiết tăng nặng: bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

- Về tình tiết giảm nhẹ: quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa, bị cáo đều thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải. Bị cáo có nhân thân tốt thể hiện phạm tội lần đầu; sau khi thực hiện hành vi phạm tội bị cáo đã ra đầu thú và tự nguyện bồi thường thiệt hại; bị hại có ý kiến xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo. Do vậy, bị cáo được hưởng

các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại điểm b, s khoản 1; khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

[5] Sau khi xem xét tính chất mức độ hành vi phạm tội, các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và nhân thân của bị cáo, Hội đồng xét xử quyết định hình phạt đối với bị cáo dưới mức thấp nhất của khung hình phạt để bị cáo thấy được sự khoan hồng của pháp luật, qua đó cải tạo cho tốt.

[6] Viện kiểm sát truy tố bị cáo theo điểm đ khoản 2 Điều 174 Bộ luật Hình sự và đề nghị mức hình phạt đối với bị cáo là có căn cứ. Tuy nhiên mức hình phạt mà Viện kiểm sát đề nghị áp dụng đối với bị cáo còn hơi cao so với tính chất mức độ hành vi phạm tội của bị cáo.

[7] Về hình phạt bổ sung: Hội đồng xét xử thấy cần cấm bị cáo đảm nhiệm chức vụ liên quan đến công tác địa chính, xây dựng trong khoảng thời gian nhất định kể từ ngày chấp hành xong hình phạt tù.

[8] Về trách nhiệm dân sự: Bị hại anh Nguyễn V T đề nghị bị cáo trả lại số tiền đã chiếm đoạt và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan chị Nguyễn T H đồng ý để anh T (chồng chị H) nhận lại số tiền là tài sản chung, Hội đồng xét xử thấy yêu cầu của anh T, chị H là có căn cứ, nhưng trong quá trình điều tra bị cáo đã giao nộp số tiền 34.000.000 đồng cho Cơ quan điều tra Công an huyện TC mục đích để bồi thường cho bị hại. Do vậy, Hội đồng xét xử ghi nhận bị cáo đã bồi thường xong phần dân sự cho bị hại.

[9] Về xử lý vật chứng: 01 chiếc USB nhãn hiệu Kingston, dung lượng 4GB, vỏ bằng nhựa màu xanh (mẫu giám định) và 02 chiếc USB nhãn hiệu Kingston, dung lượng 4GB, vỏ bằng nhựa màu xanh (mẫu so sánh) là phương tiện điện tử phục vụ công tác giám định âm thanh liên quan đến vụ án, nên cần tiếp tục lưu giữ theo hồ sơ vụ án.

[10] Về án phí: bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[11] Về quyền kháng cáo: bị cáo, bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo theo quy định tại khoản 1, khoản 4 Điều 331; khoản 1 Điều 333 Bộ luật Tố tụng hình sự.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Tuyên bố: Bị cáo Phạm V Th phạm tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản".

Căn cứ điểm đ khoản 2 Điều 174; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; khoản 1 Điều 54 của Bộ luật Hình sự:

Xử phạt bị cáo Phạm V Th 18 (Mười tám) tháng tù, thời gian chấp hành hình phạt tù kể từ ngày bị tạm giữ 04/11/2022.

- Về hình phạt bổ sung: căn cứ khoản 5 Điều 174 của Bộ luật Hình sự.

Cấm bị cáo Phạm V Th đảm nhiệm chức vụ liên quan đến công tác địa chính, xây dựng là 02 (Hai) năm kể từ ngày chấp hành xong hình phạt tù.

- Về trách nhiệm dân sự: căn cứ Điều 48 Bộ luật Hình sự; các Điều 584, 585, 589 của Bộ luật Dân sự: buộc bị cáo Phạm V Th bồi thường thiệt hại cho bị hại anh Nguyễn V T số tiền 34.000.000đ (Ba mươi bốn triệu đồng). Ghi nhận bị cáo Phạm V Th đã bồi thường thiệt hại cho anh Nguyễn V T đủ số tiền 34.000.000đ (Ba mươi

bốn triệu đồng), được thể hiện tại giấy nộp tiền vào tài khoản ngày 10/11/2022 của Công an huyện TC gửi giữ tại Kho bạc nhà nước huyện TC.

Anh Nguyễn V T có quyền yêu cầu thi hành án để được nhận khoản tiền nêu trên tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện TC, tỉnh Quảng Ninh.

- Về xử lý vật chứng: căn cứ Điều 47 Bộ luật Hình sự; Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự. Tiếp tục lưu giữ theo hồ sơ vụ án 01 chiếc USB nhãn hiệu Kingston, dung lượng 4GB, vỏ bằng nhựa màu xanh (mẫu giám định) và 02 chiếc USB nhãn hiệu Kingston, dung lượng 4GB, vỏ bằng nhựa màu xanh (mẫu so sánh).

- Về án phí: căn cứ khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng áp phí và lệ phí Tòa án. Bị cáo Phạm V Th phải chịu 200.000đ (Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

- Về quyền kháng cáo: căn cứ khoản 1, khoản 4 Điều 331; khoản 1 Điều 333 của Bộ luật Tố tụng hình sự: bị cáo có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án 27/4/2023; bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:
- Bị cáo, bị hại;
- Người có ql, nv liên quan;
- VKSND tỉnh Quảng Ninh;
- VKSND huyện TC;
- TAND tỉnh Quảng Ninh;
- CQCSĐT, CQTHAHS CA huyện TC;
- CCTHADS huyện TC, THAHS;
- Sở tư pháp tỉnh Quảng Ninh;
- Lưu hồ sơ, VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)

Lưu Minh Đoàn